TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-02-2021.
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 3, ấp Thạnh Q, xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 6, ấp Thạnh Q, xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-10-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C1 chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-11-2012 tại Ủy ban Nhân dân xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh C1 là do trong thời gian chị sinh con, anh C1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ, chồng cự cãi, gây gổ

với nhau, từ đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ, chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh C1.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09-4-2015, hiện đang sống với anh C1 và ông, bà nội. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-01-2021, chị xác định lại yêu cầu về con chung là chị đồng ý giao cháu K cho anh C1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn C1 nhưng anh C1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn C1; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09-4-2015 cho anh C1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C1 không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến và không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn C1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C1.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C1 chung sống vợ, chồng từ năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 27-11-2012 tại Ủy ban Nhân dân xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh C1 phát sinh mâu thuẫn là do vợ, chồng không tin tưởng nhau và chị T ghen tuông anh C1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T và anh C1 đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị T và anh C1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C1, cho chị T được ly hôn với anh C1.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09-4-2015, hiện đang sống với anh C1 và ông, bà nội. Xét thấy, cháu K sinh sống với anh C1 và ông bà nội từ nhỏ và chị T đồng ý giao cháu K cho anh C1 nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C1 nhưng anh C1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến và không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn C1. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09-4-2015 cho anh Nguyễn Văn C1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn C1 không có ý kiến và không có yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số

0001225, ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- UBND xã Thạnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.